TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNTHANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 4 năm 2021
V/v:"Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Lĩnh và ông Đỗ Minh Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H -** Sinh năm 1983
Nơi cư trú: Khu 10, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Hiện ở tại: Khu 3, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Phạm Văn T** - Sinh năm 1974
Nơi cư trú: Khu 10, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 14/11/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khải Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh T tại xã K, huyện T, vợ chồng chung sống cơ bản hòa thuận cho đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu là giữa chị với bố chồng (là bố đẻ anh T), bố chồng thường đánh chửi chị, mặc dù anh T biết nhưng không có thái độ quan điểm bảo vệ chị, cũng không tham gia góp ý với bố đẻ hoặc có biện pháp để can thiệp, giải quyết mâu thuẫn vì vậy bố chồng vẫn tiếp tục đánh chửi chị, chính quyền địa phương

cũng đã phải can thiệp nhưng không kết quả và cũng từ nguyên nhân đó đã làm ảnh hưởng đến quan hệ của vợ chồng. Do cuộc sống chung không hòa thuận nên từ năm 2017, chị đã về gia đình mẹ đẻ tại xã H, thị xã P để sinh sống, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định cuộc sống chung giữa chị với anh T không có hạnh phúc, tình cảm của chị với anh T không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Phạm Văn T có với nhau 02 con chung là Phạm Khánh H; sinh ngày 10/11/2004 (hiện đang ở với anh T tại khu 10, xã K) và Phạm Văn C; sinh ngày 19/01/2008 (hiện đang ở với chị tại khu 3, xã H, thị xã P). Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Phạm Văn C, còn để cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Phạm Khánh H. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị H trình bày giữa chị với anh Phạm Văn T không có nên không yêu cầu giải quyết.

***** Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Anh T xác nhận về việc kết hôn, thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian vợ chung sống đúng như chị Nguyễn Thị H đã trình bày ở trên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố đẻ anh tại xã K, huyện T. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn giữa bố đẻ anh và chị H. Mặc dù anh và chính quyền địa phương cũng đã tham gia góp ý, hòa giải nhưng không kết quả vì vậy từ năm 2017 chị H không ở gia đình anh nữa mà về sống cùng gia đình mẹ đẻ tại xã H, thị xã P từ đó cho đến nay. Anh xác định tình cảm của anh với chị Hợi vẫn còn vì vậy không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Văn T xác nhận anh và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung đúng như chị H đã trình bày ở trên. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Phạm Văn T xác nhận anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề phải giải quyết trong vụ án vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống đã xảy ra bất đồng mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do cách

ứng xử của mỗi bên trong mối quan hệ gia đình chưa phù hợp, các bên lại không có biện pháp tích cực để cùng nhau khắc phục, giải quyết làm cho mâu thuẫn bất đồng không dung hòa được dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay, cả hai không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng trong hôn nhân. Qúa trình hòa giải và tại phiên tòa, chị H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn còn anh T không chấp nhận việc ly hôn. Hội đồng xét xử cho rằng; để có một hôn nhân hạnh phúc và bền vững phải xuất phát từ tình cảm tự nguyện và sự vun đắp của cả hai bên nhưng với anh T, chị H khi cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn thì cả hai lại không có những biện pháp tích cực để cùng khắc phục giải quyết, không có hành động cụ thể để thể hiện muốn níu giữ hôn nhân làm cho mâu thuẫn bất đồng trở nên trầm trọng khó có khả năng hàn gắn và thực tế thì vợ chồng đã nhiều năm không còn sống chung, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau, không cùng nhau chia sẻ những công việc trong gia đình, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có với nhau 02 con chung như đã trình bày ở trên. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của mỗi bên là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của cha, mẹ đối với con của mình và mỗi bên cũng có những điều kiện nhất định để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Xét thực tế hiện nay thì chị H và anh T mỗi người đều đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung, các con chung đều đang có cuộc sống và học tập ổn định, vì vậy để cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung được tốt nhất, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện của con, cũng là để cho con chung tiếp tục có cuộc sống ổn định, không bị ảnh hưởng tâm lý vì phải thay đổi môi trường sống và đáp ứng nguyện vọng của con nên sau khi ly hôn cần giữ nguyện hiện trạng nuôi con chung như hiện nay, cụ thể; chị H sẽ tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con là Phạm Văn C, còn anh T sẽ tiếp tục nuôi dưỡng con là Phạm Khánh H là phù hợp

- Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, do các bên đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung sau ly hôn:

+ Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Phạm Văn C; sinh ngày 19/01/2008 (hiện nay đang ở với chị H tại khu 3, xã H, thị xã Phú Thọ);

+ Giao cho anh Phạm Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là Phạm Khánh H; sinh ngày 10/11/2004 (hiện nay đang ở với anh T tại khu 10, xã K, huyện T)

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đều không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, chị H và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2020/0001614 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã K, h. T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn